TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 16-Phòng Thanh tra pháp chế, BVQS

Tháng 2 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT ƯCSC		Lương khác		PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương		HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Thuế TNCN	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**79**			**39.961.000**	**25**	**7.420.770**					**584.000**	**0,37**	**1.037.550**	**49.003.320**	**3.087.000**	**578.800**	**386.000**	**490.000**	**275.000**	**937.350**			**5.754.150**	**43.249.170**	
1	HL-06228	Phạm Hải Hưng	Trưởng phòng	8.240.000	15	A		10.461.000	5	1.584.615					306.000			12.351.615	659.200	123.600	82.400	123.500	55.000	937.350			1.981.050	10.370.565	
2	HL-00082	Nguyễn Đắc Hiếu	Phó phòng	8.095.000	15	A		7.375.000	5	1.556.731						0,30	417.000	9.348.731	647.600	121.400	81.000	93.500	55.000				998.500	8.350.231	
3	HL-00068	Hà Trung Kiên	Phó phòng	6.843.000	17	A		7.375.000	5	1.315.962								8.690.962	547.400	102.600	68.400	86.900	55.000				860.300	7.830.662	
4	HL-01396	Nguyễn Kim Cương	Phó phòng	8.865.000	15	A		7.375.000	5	1.704.808					278.000	0,07	620.550	9.978.358	709.200	133.000	88.700	99.800	55.000				1.085.700	8.892.658	
5	HL-02807	Phạm Minh Tuấn	Phó phòng	6.545.000	17	A		7.375.000	5	1.258.654								8.633.654	523.600	98.200	65.500	86.300	55.000				828.600	7.805.054	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**47**			**15.597.000**	**15**	**3.139.615**			**3**	**1.200.000**				**19.936.615**	**1.306.000**	**244.900**	**163.200**	**199.300**	**165.000**	**1.156.867**			**3.235.267**	**16.701.348**	
6	HL-00934	Đỗ Phương Anh	Chuyên viên	5.154.000	15	A		5.199.000	5	991.154			3	1.200.000				7.390.154	412.300	77.300	51.500	73.900	55.000	1.156.867			1.826.867	5.563.287	
7	HL-00971	Vũ Minh Phương	Chuyên viên	6.264.000	17	A		5.199.000	5	1.204.615								6.403.615	501.100	94.000	62.600	64.000	55.000				776.700	5.626.915	
8	HL-00153	Đỗ Mạnh Tưởng	Chuyên viên	4.908.000	15	A		5.199.000	5	943.846								6.142.846	392.600	73.600	49.100	61.400	55.000				631.700	5.511.146	
3	**20**	**Tổ bảo vệ**			**184**		**44.651**	**44.640.434**	**60**	**11.780.577**	**20**	**8.000.000**						**64.421.011**	**4.901.000**	**919.200**	**612.600**	**644.100**	**660.000**			**585.800**	**8.322.700**	**56.098.311**	
9	HL-02978	Vũ Văn Mạnh	NV bảo vệ	5.051.000	13	A	3.562	3.561.157	5	971.346	5	2.000.000						6.532.503	404.100	75.800	50.500	65.300	55.000				650.700	5.881.803	
10	HL-02922	Đặng Tuấn Anh	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	3.723	3.722.119	5	971.346								4.693.465	404.100	75.800	50.500	46.900	55.000				632.300	4.061.165	
11	HL-02046	Nguyễn Hồng Quân	NV bảo vệ	5.287.000	17	A	3.723	3.722.119	5	1.016.731								4.738.850	423.000	79.300	52.900	47.400	55.000				657.600	4.081.250	
12	HL-01011	Nguyễn Văn Lẽ	NV bảo vệ	5.231.000	17	A	3.723	3.722.119	5	1.005.962								4.728.081	418.500	78.500	52.300	47.300	55.000				651.600	4.076.481	
13	HL-01789	Nguyễn Văn Hà	NV bảo vệ	5.051.000	13	A	2.327	2.326.449	5	971.346	5	2.000.000						5.297.795	404.100	75.800	50.500	53.000	55.000				638.400	4.659.395	
14	HL-01912	Phạm Quang Tuyến	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	3.247	3.246.232	5	925.000								4.171.232	384.800	72.200	48.100	41.700	55.000				601.800	3.569.432	
15	HL-03114	Đỗ Văn Đăng	NV bảo vệ	5.051.000	13	A	4.654	4.652.899	5	971.346	5	2.000.000						7.624.245	404.100	75.800	50.500	76.200	55.000			286.100	947.700	6.676.545	
16	HL-00161	Đỗ Trọng Huấn	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	4.658	4.656.898	5	971.346								5.628.244	404.100	75.800	50.500	56.300	55.000				641.700	4.986.544	
17	HL-00069	Vũ Tuấn Linh	NV bảo vệ	5.051.000	13	A	4.186	4.185.009	5	971.346	5	2.000.000						7.156.355	404.100	75.800	50.500	71.600	55.000				657.000	6.499.355	
18	HL-00159	Cao Văn Khải	NV bảo vệ	5.287.000	17	A	3.247	3.246.232	5	1.016.731								4.262.963	423.000	79.300	52.900	42.600	55.000				652.800	3.610.163	
19	HL-00158	Bùi Văn Vượng	NV bảo vệ	5.287.000	13	A	3.419	3.418.191	5	1.016.731								4.434.922	423.000	79.300	52.900	44.300	55.000				654.500	3.780.422	
20	HL-00133	Nguyễn Viết Ân	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	4.182	4.181.010	5	971.346								5.152.356	404.100	75.800	50.500	51.500	55.000			299.700	936.600	4.215.756	
4	**21**	**Tổ bảo vệ KV Hà Ráng - Khe Tam**			**482**		**154.607**	**154.570.411**	**150**	**29.009.233**	**35**	**14.000.000**			**626.000**			**198.205.644**	**12.068.500**	**2.263.200**	**1.508.500**	**1.982.100**	**1.650.000**	**609.048**			**20.081.348**	**178.124.296**	
21	HL-00672	Hoàng Văn Tiến	Bảo vệ cơ động	5.287.000	17	A	3.723	3.722.119	5	1.016.731								4.738.850	423.000	79.300	52.900	47.400	55.000				657.600	4.081.250	
22	HL-02417	Lý Văn Lâm	NV bảo vệ	4.745.000	17	A	5.950	5.948.592	5	912.500								6.861.092	379.600	71.200	47.500	68.600	55.000				621.900	6.239.192	
23	HL-02362	Đặng Hữu Đoàn	NV bảo vệ	4.581.000	17	A	4.420	4.418.954	5	880.962								5.299.916	366.500	68.700	45.800	53.000	55.000				589.000	4.710.916	
24	HL-02141	Bùi Trọng Sơn	NV bảo vệ	5.287.000	17	A	5.610	5.608.672	5	1.016.731								6.625.403	423.000	79.300	52.900	66.300	55.000				676.500	5.948.903	
25	HL-02139	Bùi Đức Huấn	NV bảo vệ	5.051.000	13	A	3.484	3.483.176	5	971.346	5	2.000.000						6.454.522	404.100	75.800	50.500	64.500	55.000				649.900	5.804.622	
26	HL-02115	Nguyễn Văn Tung	NV bảo vệ	4.982.000	13	A	5.018	5.016.812	5	958.077	5	2.000.000						7.974.889	398.600	74.700	49.800	79.700	55.000				657.800	7.317.089	
27	HL-02099	Nguyễn Công Thành	NV bảo vệ	5.287.000	17	A	5.304	5.302.745	5	1.016.731								6.319.476	423.000	79.300	52.900	63.200	55.000				673.400	5.646.076	
28	HL-02093	Nguyễn Trung Năm	NV bảo vệ	5.231.000	17	A	4.420	4.418.954	5	1.005.962								5.424.916	418.500	78.500	52.300	54.200	55.000				658.500	4.766.416	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT ƯCSC		Lương khác		PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương		HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Thuế TNCN	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư			
29	HL-02030	Nguyễn Văn Dân	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	6.205	6.203.532	5	925.000								7.128.532	384.800	72.200	48.100	71.300	55.000				631.400	6.497.132	
30	HL-01792	Nguyễn Viết Ninh	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	4.420	4.418.954	5	971.346								5.390.300	404.100	75.800	50.500	53.900	55.000				639.300	4.751.000	
31	HL-01527	Hoàng Văn Thanh	NV bảo vệ	5.231.000	17	A	3.723	3.722.119	5	1.005.962								4.728.081	418.500	78.500	52.300	47.300	55.000				651.600	4.076.481	
32	HL-01481	Đỗ Văn Cương	NV bảo vệ	4.982.000	17	A	6.205	6.203.532	5	958.077								7.161.609	398.600	74.700	49.800	71.600	55.000				649.700	6.511.909	
33	HL-05745	Nguyễn Việt Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	13	A	4.017	4.016.049	5	880.962	5	2.000.000						6.897.011	366.500	68.700	45.800	69.000	55.000				605.000	6.292.011	
34	HL-02135	Triệu Tiến Thắng	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	6.205	6.203.532	5	925.000								7.128.532	384.800	72.200	48.100	71.300	55.000				631.400	6.497.132	
35	HL-03641	Nguyễn Hải Đăng	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	7.480	7.478.230	5	925.000								8.403.230	384.800	72.200	48.100	84.000	55.000	47.990			692.090	7.711.140	
36	HL-02237	Vũ Công Phê	NV bảo vệ	4.982.000	17	A	3.723	3.722.119	5	958.077								4.680.196	398.600	74.700	49.800	46.800	55.000				624.900	4.055.296	
37	HL-00932	Đinh Trung Kiên	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	5.644	5.642.664	5	925.000								6.567.664	384.800	72.200	48.100	65.700	55.000				625.800	5.941.864	
38	HL-02238	Nguyễn Hữu Tú	NV bảo vệ	4.745.000	17	A	6.579	6.577.443	5	912.500					139.000			7.628.943	379.600	71.200	47.500	76.300	55.000				629.600	6.999.343	
39	HL-00279	Cao Văn Trường	Bảo vệ cơ động	5.287.000	13	A	5.421	5.419.717	5	1.016.731	5	2.000.000			139.000			8.575.448	423.000	79.300	52.900	85.800	55.000				696.000	7.879.448	
40	HL-00524	Nguyễn Trọng Phượng	Bảo vệ cơ động	5.287.000	17	A	7.599	7.597.202	5	1.016.731								8.613.933	423.000	79.300	52.900	86.100	55.000				696.300	7.917.633	
41	HL-00221	Nguyễn Quốc Cường	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	4.335	4.333.974	5	971.346								5.305.320	404.100	75.800	50.500	53.100	55.000				638.500	4.666.820	
42	HL-00240	Nguyễn Văn Quyết	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	6.341	6.339.499	5	971.346								7.310.845	404.100	75.800	50.500	73.100	55.000	561.058			1.219.558	6.091.287	
43	HL-00719	Trịnh Trọng Thủy	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	3.400	3.399.195	5	925.000								4.324.195	384.800	72.200	48.100	43.200	55.000				603.300	3.720.895	
44	HL-01480	Phạm Trung Kiên	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	3.247	3.246.232	5	971.346								4.217.578	404.100	75.800	50.500	42.200	55.000				627.600	3.589.978	
45	HL-00325	Vũ Văn Khả	NV bảo vệ	5.231.000	17	A	6.341	6.339.499	5	1.005.962								7.345.461	418.500	78.500	52.300	73.500	55.000				677.800	6.667.661	
46	HL-00152	Nguyễn Đức Thuận	NV bảo vệ	5.051.000	13	A	6.162	6.160.542	5	971.346	5	2.000.000						9.131.888	404.100	75.800	50.500	91.300	55.000				676.700	8.455.188	
47	HL-00073	Khổng Thanh Sơn	Đội phó bảo vệ	5.682.000	13	A	4.446	4.444.948	5	1.092.692	5	2.000.000			209.000			7.746.640	454.600	85.200	56.800	77.500	55.000				729.100	7.017.540	
48	HL-00071	Nguyễn Văn Nam	NV bảo vệ	5.051.000	13	A	2.639	2.638.375	5	971.346	5	2.000.000						5.609.721	404.100	75.800	50.500	56.100	55.000				641.500	4.968.221	
49	HL-02804	Lê Khắc Đạo	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	6.273	6.271.515	5	971.346								7.242.861	404.100	75.800	50.500	72.400	55.000				657.800	6.585.061	
50	HL-02335	Trần Văn Diên	Bảo vệ cơ động	4.982.000	17	A	6.273	6.271.515	5	958.077					139.000			7.368.592	398.600	74.700	49.800	73.700	55.000				651.800	6.716.792	
5	**23**	**Tổ bảo vệ KV Khe Chàm**			**383**		**94.675**	**94.652.597**	**120**	**23.205.001**	**25**	**10.000.000**			**167.000**			**128.024.598**	**9.653.800**	**1.810.400**	**1.206.600**	**1.280.300**	**1.320.000**	**108.372**			**15.379.472**	**112.645.126**	
51	HL-02913	Hoàng Kim Thắng	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	4.369	4.367.966	5	971.346								5.339.312	404.100	75.800	50.500	53.400	55.000				638.800	4.700.512	
52	HL-01116	Đỗ Văn Tuyến	NV bảo vệ	4.982.000	17	A	3.723	3.722.119	5	958.077								4.680.196	398.600	74.700	49.800	46.800	55.000				624.900	4.055.296	
53	HL-05670	Nguyễn Đức Ngọc	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	4.369	4.367.966	5	925.000								5.292.966	384.800	72.200	48.100	52.900	55.000				613.000	4.679.966	
54	HL-06523	Dương Đình Thảo	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	4.352	4.350.972	5	925.000								5.275.972	384.800	72.200	48.100	52.800	55.000				612.900	4.663.072	
55	HL-06190	Trần Nhật Nam	NV bảo vệ	4.581.000	13	A	3.341	3.340.209	5	880.962	5	2.000.000						6.221.171	366.500	68.700	45.800	62.200	55.000				598.200	5.622.971	
56	HL-04215	Nguyễn Mạnh Trường	NV bảo vệ	4.982.000	17	A	3.723	3.722.119	5	958.077								4.680.196	398.600	74.700	49.800	46.800	55.000				624.900	4.055.296	
57	HL-04209	Nguyễn Văn Thắng	NV bảo vệ	4.982.000	12	A	1.860	1.859.560	5	958.077								2.817.637	398.600	74.700	49.800	28.200	55.000				606.300	2.211.337	
58	HL-02299	Trần Đức Huệ	NV bảo vệ	4.745.000	13	A	3.718	3.717.120	5	912.500	5	2.000.000						6.629.620	379.600	71.200	47.500	66.300	55.000				619.600	6.010.020	
59	HL-02008	Đào Ngọc Thịnh	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	3.723	3.722.119	5	925.000								4.647.119	384.800	72.200	48.100	46.500	55.000				606.600	4.040.519	
60	HL-01994	Nguyễn Văn Việt	NV bảo vệ	5.051.000	13	A	2.795	2.794.339	5	971.346	5	2.000.000						5.765.685	404.100	75.800	50.500	57.700	55.000				643.100	5.122.585	
61	HL-01875	Bùi Văn Huy	NV bảo vệ	5.231.000	17	A	5.117	5.115.789	5	1.005.962								6.121.751	418.500	78.500	52.300	61.200	55.000				665.500	5.456.251	
62	HL-02152	Đào Văn Bình	NV bảo vệ	5.231.000	17	A	5.015	5.013.813	5	1.005.962								6.019.775	418.500	78.500	52.300	60.200	55.000				664.500	5.355.275	
63	HL-02892	Nguyễn Văn Hải	NV bảo vệ	5.287.000	13	A	3.133	3.132.259	5	1.016.731	5	2.000.000						6.148.990	423.000	79.300	52.900	61.500	55.000				671.700	5.477.290	
64	HL-01856	Đoàn Nguyên Thứ	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	3.723	3.722.119	5	971.346								4.693.465	404.100	75.800	50.500	46.900	55.000				632.300	4.061.165	

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP				Lương 100%		Lương QS-ĐD-DT ƯCSC		Lương khác		PC BCHQS	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Điểm SP	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương		HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Thuế TNCN	Trừ tiền ăn	Phí ở chung cư			
65	HL-02038	Phạm Văn Dũng	Đội trưởng bảo vệ	5.682.000	17	A	4.556	4.554.922	5	1.092.692								5.647.614	454.600	85.200	56.800	56.500	55.000				708.100	4.939.514	
66	HL-02943	Vũ Tuấn Khanh	Gác cửa lò	4.982.000	17	A	2.788	2.787.340	5	958.077								3.745.417	398.600	74.700	49.800	37.500	55.000				615.600	3.129.817	
67	HL-02884	Nguyễn Văn Thuội	Bảo vệ cơ động	5.287.000	17	A	3.723	3.722.119	5	1.016.731								4.738.850	423.000	79.300	52.900	47.400	55.000				657.600	4.081.250	
68	HL-02827	Nguyễn Hoàng Đồng	Bảo vệ cơ động	5.287.000	17	A	4.386	4.384.962	5	1.016.731								5.401.693	423.000	79.300	52.900	54.000	55.000				664.200	4.737.493	
69	HL-02805	Vũ Nhiên Tản	NV bảo vệ	5.051.000	13	A	3.991	3.990.056	5	971.346	5	2.000.000						6.961.402	404.100	75.800	50.500	69.600	55.000				655.000	6.306.402	
70	HL-00446	Vũ Văn Tới	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	4.386	4.384.962	5	925.000								5.309.962	384.800	72.200	48.100	53.100	55.000				613.200	4.696.762	
71	HL-00154	Vũ Ngọc Vần	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	4.182	4.181.010	5	971.346								5.152.356	404.100	75.800	50.500	51.500	55.000				636.900	4.515.456	
72	HL-04278	Hoàng Xuân Bá	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	3.842	3.841.091	5	971.346					167.000			4.979.437	404.100	75.800	50.500	49.800	55.000				635.200	4.344.237	
73	HL-00718	Nguyễn Tuấn Khải	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	4.930	4.928.833	5	925.000								5.853.833	384.800	72.200	48.100	58.500	55.000				618.600	5.235.233	
74	HL-02828	Tạ Văn Hồng	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	4.930	4.928.833	5	971.346								5.900.179	404.100	75.800	50.500	59.000	55.000	108.372			752.772	5.147.407	
6	**24**	**Tổ bảo vệ KV Tân Lập**			**259**		**70.031**	**70.014.425**	**80**	**15.484.232**					**306.000**			**85.804.657**	**6.441.700**	**1.208.200**	**805.200**	**858.300**	**880.000**	**1.321.779**	**400.400**		**11.915.579**	**73.889.078**	
75	HL-02422	Nguyễn Văn Tuấn	NV bảo vệ	4.745.000	17	A	4.301	4.299.982	5	912.500								5.212.482	379.600	71.200	47.500	52.100	55.000				605.400	4.607.082	
76	HL-00908	Đinh Bá Thi	Đội phó bảo vệ	5.966.000	17	A	5.695	5.693.652	5	1.147.308					139.000			6.979.960	477.300	89.500	59.700	69.800	55.000				751.300	6.228.660	
77	HL-03934	Trần Huy Toàn	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	4.658	4.656.898	5	971.346								5.628.244	404.100	75.800	50.500	56.300	55.000		85.800		727.500	4.900.744	
78	HL-02336	Bùi Công Phóng	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	4.182	4.181.010	5	925.000								5.106.010	384.800	72.200	48.100	51.100	55.000		28.600		639.800	4.466.210	
79	HL-01838	Dương Văn Chín	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	3.757	3.756.111	5	925.000								4.681.111	384.800	72.200	48.100	46.800	55.000				606.900	4.074.211	
80	HL-01814	Nguyễn Minh Đức	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	4.488	4.486.938	5	971.346								5.458.284	404.100	75.800	50.500	54.600	55.000		85.800		725.800	4.732.484	
81	HL-00972	Vũ Viết Trung Dũng	NV bảo vệ	4.581.000	17	A	5.117	5.115.789	5	880.962								5.996.751	366.500	68.700	45.800	60.000	55.000	736.260			1.332.260	4.664.491	
82	HL-03004	Nguyễn Hồng Cường	NV bảo vệ	4.810.000	7	A	1.085	1.084.743	5	925.000								2.009.743	384.800	72.200	48.100	20.100	55.000				580.200	1.429.543	
83	HL-03938	Phạm Văn Giáp	NV bảo vệ	4.810.000	17	A	4.335	4.333.974	5	925.000								5.258.974	384.800	72.200	48.100	52.600	55.000		85.800		698.500	4.560.474	
84	HL-03802	Vũ Văn Hùng	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	5.219	5.217.765	5	971.346								6.189.111	404.100	75.800	50.500	61.900	55.000	530.712			1.178.012	5.011.099	
85	HL-03113	Đinh Hữu Chiến	NV bảo vệ	4.982.000	17	A	4.301	4.299.982	5	958.077								5.258.059	398.600	74.700	49.800	52.600	55.000	54.807			685.507	4.572.552	
86	HL-00800	Hà Văn Huy	Đội phó bảo vệ	5.287.000	17	A	5.695	5.693.652	5	1.016.731					167.000			6.877.383	423.000	79.300	52.900	68.800	55.000				679.000	6.198.383	
87	HL-00070	Nguyễn Gia Chính	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	4.828	4.826.857	5	971.346								5.798.203	404.100	75.800	50.500	58.000	55.000				643.400	5.154.803	
88	HL-03808	Trịnh Văn Minh	NV bảo vệ	5.051.000	17	A	5.015	5.013.813	5	971.346								5.985.159	404.100	75.800	50.500	59.900	55.000		28.600		673.900	5.311.259	
89	HL-04919	Nguyễn Văn Tuấn	Bảo vệ cơ động	5.231.000	14	A	2.170	2.169.486	5	1.005.962								3.175.448	418.500	78.500	52.300	31.800	55.000				636.100	2.539.348	
90	HL-03956	Nguyễn Hữu Tiến	Bảo vệ cơ động	5.231.000	17	A	5.185	5.183.773	5	1.005.962								6.189.735	418.500	78.500	52.300	61.900	55.000		85.800		752.000	5.437.735	
Tổng cộng					**1.434**		**363.964**	**419.435.867**	**450**	**90.039.428**	**80**	**32.000.000**	**3**	**1.200.000**	**1.683.000**	**0,37**	**1.037.550**	**545.395.845**	**37.458.000**	**7.024.700**	**4.682.100**	**5.454.100**	**4.950.000**	**4.133.416**	**400.400**	**585.800**	**64.688.516**	**480.707.329**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 3 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	P.KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng